Những Pha Phì Cười và Những Thông Điệp Mang Tính Cách Mạng trong Giô-Na 4,1-11

The Comic Elements and the Revolutionary Messages in Jonah 4:1–11

Đỗ Mạnh Hùng, S.J.

[1]Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Vietnam
[*]Email tác giả liên hệ: josmanhhung.sj@gmail.com
[*]https://orcid.org/0009-0000-5108-4820
https://doi.org/10.54855/csl.26624

® Copyright (c) 2026 Đỗ Mạnh Hùng

Received: 01/04/2026 Revision: 20/06/2026 Accepted: 01/07/2026 Online: 01/07/2026

ABSTRACT

The purpose of this article is to explore and to present the singular character of the Book of Jonah, particularly as it emerges in the book's conclusion, Jonah 4:1–11, which is widely regarded as the climax of the work. Among the prophetic books, Jonah stands out as a singular and unusual composition, and this distinctiveness is displayed in a special way in its closing chapter. Here the author concentrates upon a direct dialogue between the prophet Jonah and God, and it is precisely in this exchange that the reader encounters the work's most significant revelation concerning the divine. The details of the passage may at first provoke the reader's amusement, only to leave resounding thereafter the most profound and original messages of the book—messages that were revolutionary for their age. To this end, the article proceeds in three steps. It will first treat briefly the figure of the prophet Jonah, the historical context, the literary genre of the work, and the structure of the text; it will then proceed to an exegesis of the passage; and finally, it will draw out several theological reflections and applications.

Keywords: Jonah; prophet; the boundless mercy of God; the gratuitous love of God

TÓM LƯỢC

Bài viết này về khám phá và trình bày nét độc đáo của sách Giôna, đặc biệt như được thể hiện trong phần kết của sách, Giôna 4,1–11, đoạn vốn được xem là cao trào của tác phẩm. Trong số các sách ngôn sứ, Giôna nổi bật như một tác phẩm độc đáo và khác thường, và nét đặc sắc ấy được phô bày một cách đặc biệt trong chương cuối cùng. Ở đây, tác giả tập trung vào cuộc đối thoại trực tiếp giữa ngôn sứ Giôna và Thiên Chúa, và chính trong cuộc trao đổi này, người đọc bắt gặp mặc khải quan trọng nhất của tác phẩm về Thiên Chúa. Thoạt đầu, các chi tiết của đoạn văn có thể khiến người đọc bật cười, nhưng rồi sau đó lại để vang vọng những sứ điệp sâu sắc và độc đáo nhất của cuốn sách — những sứ điệp mang tính cách mạng đối với thời đại của chúng. Với mục đích đó, bài viết được triển khai qua ba bước. Trước hết, bài viết sẽ bàn vắn tắt về dung mạo của ngôn sứ Giôna, bối cảnh lịch sử, thể loại văn chương của tác phẩm và cấu trúc của bản văn; tiếp đến, bài viết sẽ tiến hành chú giải đoạn văn; và sau cùng, bài viết sẽ rút ra một vài suy tư cùng ứng dụng thần học.

Từ khoá: Giô-na, ngôn sứ, lòng thương xót vô biên, tình yêu nhưng không của Chúa

CITATION | Đỗ Mạnh Hùng (2026). "Những Pha Phì Cười và Những Thông Điệp Mang Tính Cách Mạng trong Giô-Na 4,1-11". *Khoa Học Công Giáo và Đời Sống, 6*(2): 42–62. DOI: https://doi.org/10.54855/csl.26624

Dẫn nhập

Các ngôn sứ thường được xem là những người loan báo sứ điệp của Chúa. Theo đó, trong suốt thời kỳ ngôn sứ, thông điệp của các ngài luôn vang vọng lời kêu gọi dân Ít-ra-en trung tín giữ vững giao ước với Chúa và ăn năn hối cải khi thất tín để được Chúa xót thương tha thứ. Tuy nhiên, trong bức tranh đó, Giô-na nổi lên như một nét chấm phá và hiện tượng độc lạ. Thực vậy, tuy chỉ được xếp vào một trong những ngôn sứ nhỏ, nhưng văn phong và thông điệp của Giô-na lại rất độc đáo, khác lạ so với những ngôn sứ khác. Và trong khi các câu chuyện Kinh Thánh như chỉ tập trung nói về "những người trong cuộc" là dân tộc Ít-ra-en, thì câu chuyện Giô-na lại xoay quanh vấn đề liên quan đến "người ngoài cuộc" là dân ngoại giáo Át-sua. Sách dường như chỉ là một câu chuyện hài hước, châm biếm về một vị ngôn sứ bất đắc dĩ, với sự nóng giận, hẹp hòi và ngang bướng không chấp nhận việc Chúa tha thứ cho dân thành Ni-ni-vê. Tuy nhiên, ngang qua những biếm họa hài hước ấy, câu chuyện lại chuyển tải một cách tuyệt vời những thông điệp thần học mang tính cách mạng cho thời đại.[1]

Đặc biệt, Gn 4,1-11, đoạn cuối câu chuyện, được xem như là "chóp đỉnh" của cuốn sách. Ở đây, tác giả tập trung thuật lại cuộc đối thoại trực diện giữa ngôn sứ Giô-na với Thiên Chúa; và chính nơi đây người đọc gặp được mạc khải quan trọng nhất về Thiên Chúa.[2] Đoạn văn như cô đọng tất cả tác phẩm. Những tình tiết trong đoạn văn có thể khiến người đọc phải phì cười, để rồi sau đó để lại âm vang những sứ điệp sâu sắc và độc sáng nhất của tác phẩm:

[1]Ông Giô-na bực mình, bực lắm, và ông nổi giận. [2]Ông cầu nguyện với ĐỨC CHÚA và nói: "Ôi, lạy ĐỨC CHÚA, đó chẳng phải là điều con đã nói khi còn ở quê nhà sao? Chính vì thế mà con đã vội vàng trốn đi Tác-sít. Thật vậy, con biết rằng Ngài là Thiên Chúa từ bi nhân hậu, chậm giận và giàu tình thương, và hối tiếc vì đã giáng họa. [3]Giờ đây, lạy ĐỨC CHÚA, xin Ngài lấy mạng sống con đi, vì thà con chết còn hơn là sống!" [4]ĐỨC CHÚA hỏi ông: "Ngươi nổi giận như thế có lý không?" [5]Ông Giô-na ra ngoài thành và ngồi ở phía đông thành. Ở đó, ông làm một cái lều, rồi ngồi bên dưới, trong bóng mát, để xem cái gì sẽ xảy ra trong thành. [6]ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa khiến một cây thầu dầu mọc lên ở phía trên ông Giô-na để có bóng mát che đầu ông, hầu làm ông hết buồn bực. Ông Giô-na vui, vui lắm vì cây thầu dầu. [7]Nhưng hôm sau, khi hừng đông ló rạng, Thiên Chúa khiến một con sâu cắn cây thầu dầu và cây bị héo. [8]Khi mặt trời mọc, Thiên Chúa cho có một cơn gió đông nóng bỏng, và mặt trời giội nắng xuống đầu ông Giô-na; ông ngất xỉu và xin cho mình được chết, ông nói: "Thà tôi chết còn hơn là sống." [9]Thiên Chúa hỏi ông Giô-na: "Ngươi nổi giận vì cây thầu dầu, như thế có lý không?" Ông trả lời: "Con có lý để nổi giận đến chết được!" [10]ĐỨC CHÚA phán: "Ngươi, ngươi thương hại cây thầu dầu mà ngươi đã không vất vả vì nó, và không làm cho nó lớn lên; trong một đêm nó đã sinh ra, rồi trong một đêm lại chết đi. [11]Còn Ta, chẳng lẽ Ta lại không thương hại Ni-ni-vê, thành phố lớn, trong đó có hơn một trăm hai mươi ngàn người không phân biệt được bên phải với bên trái, và lại có rất nhiều thú vật hay sao?"[3]

---

[1] X. Chantal Raynier, *Để Đọc Các Sách Ngôn Sứ*, trans. Thiên Hựu và Xuân Hùng (HCM: Phương Đông, 2017), 5. 300. Nguyễn Văn Hội, *Giô-na Vị Ngôn Sứ Khác Người. Sách Giô-na Và Ý Hướng Thần Học* (HN: Tôn Giáo, 2021), 150. James Limburg, *Jonah*, First Edition (Louisville, Ky: Westminster John Knox Press, 1993), 98.

[2] X. Nguyễn Văn Hội, *Giô-na Vị Ngôn Sứ Khác Người*, 30.

[3] Ở đây bài viết sử dụng bản dịch Kinh Thánh của Nhóm Các giờ kinh Phụng vụ (CGKPV), để phân tích. CGKPV, *Kinh Thánh* (HN: Tôn Giáo, 2011), 2021-2022.

Vậy những điều trên được thể hiện cụ thể thế nào trong đoạn văn? Bài viết này là một nỗ lực phần nào khám phá và trình bày những điều đó qua các bước sau: Trước hết, bài viết sẽ nói qua về ngôn sứ Giô-na, bối cảnh, văn thể của tác phẩm và cấu trúc bản văn; sau đó, bài viết sẽ đi vào phân tích bản văn; và cuối cùng, một vài phản tỉnh áp dụng thần học sẽ được rút ra.

Đôi Nét Về Ngôn Sứ Giô-na, Tác Phẩm Và Cấu Trúc Cùng Bố Cục Bản Văn

1. Về Ngôn Sứ Giô-na

Theo trình thuật của tác phẩm, Giô-na được trình bày như một vị ngôn sứ đặc biệt bướng bỉnh chống lại mệnh lệnh và ý muốn của Đức Chúa. Ngay từ đầu, khi được sai đi rao giảng kêu gọi dân thành Ni-ni-vê ăn năn hối cải, ông đã tìm cách trốn chạy khỏi Chúa để từ chối mệnh lệnh. Thiên Chúa đã ngăn chặn, khiến cuộc trốn chạy của Giô-na thất bại. Ngài lại ra mệnh lệnh và sai ông đi lần hai. Ông phải miễn cưỡng tới rao giảng cho thành, nhưng vẫn chống lại ý muốn thương xót thứ tha cho dân thành Ni-ni-vê của Chúa.

Về lai lịch, tiểu sử, trong cả tác phẩm, người đọc chỉ thấy có duy nhất một câu giới thiệu cho biết Giô-na là "con của ông A-mít-tai" (1,1). Và trong Cựu Ước cũng chỉ có 2 V 14,25 cho biết ngôn sứ Giô-na con A-mít-tai là một người có quê ở Gát Khê-phe, thi hành sứ vụ tại vương quốc Ít-ra-en, thời vua Gia-róp-am II (786 – 746 Trước Công Nguyên (TCN)).

Nhưng một số học giả nhận định rằng ngôn sứ Giô-na ở sách Giô-na và Giô-na ở 2 V 14,25 không phải là một, mà chỉ có quan hệ văn chương. Tức là tác giả sách Giô-na chỉ mượn tên Giô-na để đặt cho nhân vật trong câu chuyện của mình. Những nhận định này được đưa ra dựa trên một số cơ sở chính yếu như: thời vua Gia-róp-am II trị vì, Ni-ni-vê chưa phải là thủ đô của Át-sua. Ni-ni-vê chỉ trở thành thủ đô của Át-sua vào thời vua Xan-khê-rip (704 – 681 TCN). Vua của Át-sua cũng không được gọi là vua của Ni-ni-vê như Gn 3,6 gọi. Và Giô-na ở 2 V 14,25 thì ngoan ngoãn vâng lời thực thi mệnh lệnh Chúa, trong khi Giô-na trong sách Giô-na thì bướng bỉnh từ chối. Cũng theo các học giả này, có thể tác giả sách Giô-na đã chọn Giô-na, một nhân vật lịch sử với thông tin ít ỏi trong Kinh Thánh, là để dễ dàng tự do thêu dệt nhân vật trong chuyện mình kể. Cùng với đó, Giô-na thời Gia-róp-am II cũng là thời A-mốt. Trong khi A-mốt lên án các cuộc chinh phạt và triều đại Gia-róp-am II, thì Giô-na được chọn ở đây như sự thích hợp để chuyển tải sứ điệp thần học đối kháng: phê phán tư tưởng tự mãn và hạn chế khắt khe, coi ơn cứu độ là độc quyền của Ít-ra-en chứ không phải một ân sủng và có tính phổ quát. Mặt khác, tên Giô-na trong tiếng Hip-ri có nghĩa là "chim bồ câu", là sứ giả báo tin mừng chấm dứt nạn hồng thủy (St 6-8). Theo đó, sự gian ác của Ni-ni-vê gợi nhớ sự gian ác lan tràn trên mặt đất kéo theo hồng thủy, và tên Giô-na như muốn báo hiệu cho độc giả rằng Thiên Chúa sẽ mang lại ơn cứu độ cho tất cả mọi người, như chim bồ câu báo hiệu hồng thủy chấm dứt. Thêm vào đó, trong sách Hô-sê, Ít-ra-en được ví như chim câu khờ dại (Hs 7,11). Nên có thể tác giả lấy tên Giô-na đặt cho ngôn sứ ở đây nhằm muốn người đọc liên tưởng tới sự khờ khạo không chịu hiểu và chấp nhận ý Chúa.[4]

Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu và chú giải khác lại cho thấy những cơ sở như trên là không vững chắc. Những nghiên cứu và phân tích như của Douglas Stuart, Phyllis Trible, Joyce Baldwin đều chỉ ra rằng: vào thời Gia-róp-am II, Ni-ni-vê có thể trở thành nơi cư ngụ của vua Át-sua và trở thành thủ đô tạm thời cho đế quốc. Mặt khác, vào thời đó, đế quốc Át-sua gặp

[4] X. Raynier, *Để Đọc Các Sách Ngôn Sứ*, 294-295. Nguyễn Văn Hội, *Giô-na Vị Ngôn Sứ Khác Người*, 126-128. 139.

nạn và có thể quyền lực của vua bị giới hạn nơi thành phố ông cư ngụ. Hơn nữa, việc vua của một quốc gia cũng được gọi là vua của một trong những thành phố thuộc quyền cai trị của ông, là một cách nói xuất hiện nhiều nơi khác trong Kinh Thánh. Do đó, việc nói Ni-ni-vê là thủ đô của Át-sua, hay nói "vua Ni-ni-vê" không có gì là sai về lịch sử ở đây.[5] Còn James Bruckner thì phân tích cho thấy, dù Giô-na kháng lại mệnh lệnh Chúa, ông vẫn có thể được xem là một ngôn sứ đích thực. Theo tác giả, việc ban đầu không muốn lãnh nhận sứ mạng khó khăn hay kháng lại lời Chúa của Giô-na không có gì quá kỳ lạ, thậm chí còn gợi lên mẫu thức quen thuộc trong truyền thống Kinh Thánh khi liên hệ tới các câu chuyện của Áp-ra-ham, Mô-sê, Gia-cóp, Giê-rê-mi-a… Đặc biệt việc đòi hỏi công lý, khó chấp nhận cho kẻ thù tàn bạo được hưởng sự tha thứ cũng là điều hoàn toàn có thể hiểu được trong bối cảnh của Giô-na.[6] Như vậy, Giô-na ở sách Giô-na vẫn có khả thể là Giô-na ở 2 V 14,25.

Theo người viết bài này, ở đây người đọc có thể chấp nhận một sự không chắc chắn về lai lịch và tiểu sử của ngôn sứ Giô-na. Cả hai giả thuyết trên đều không làm ảnh hưởng tới nội dung, giá trị và thông điệp của sách. Cả hai đều có thể được sử dụng để thể hiện cùng một sứ điệp chính yếu của tác phẩm và giá trị của nó. Dù giả thuyết nào được áp dụng, thì thông điệp của sách cũng vẫn là một thông điệp đặc biệt đến từ kinh nghiệm thiêng liêng sâu sắc của một cá nhân cụ thể, thông điệp mang tính mạc khải và ngôn sứ đích thực.

2. Về Thời Gian Cùng Bối Cảnh Biên Soạn Tác Phẩm

Cũng liên quan với vấn đề trên, việc xác định thời gian cùng bối cảnh biên soạn cụ thể của tác phẩm là điều gặp nhiều khó khăn. Thực vậy, không giống như hầu hết các sách ngôn sứ khác, sách Giô-na không có tình tiết để tự xác định cho mình một thời gian cùng bối cảnh lịch sử cụ thể rõ ràng như thuộc triều đại nào của các vua Ít-ra-en và Giu-đa (ví dụ: Hs 1,1; Am 1,1) hoặc trong thời kỳ lưu đày (ví dụ: Ed 1,1-3) hoặc trong thời kỳ hậu lưu đày (ví dụ: Kg 1,1; Gr 1,1).

Nhiều tác giả đã có những nỗ lực để xác định thời gian và bối cảnh biên soạn của tác phẩm với những lập luận khác nhau. Các lập luận chủ yếu dựa vào: việc nhắc tới Ni-ni-vê như là thủ đô Át-sua với một vị vua (1), yếu tố ngôn ngữ Aram được sử dụng trong tác phẩm (2), những đoạn văn có vẻ như là "trích dẫn" từ những sách khác (3), và tư tưởng thần học của tác phẩm (4). Nhưng những cơ sở lập luận này lại bị phản bác bởi những nghiên cứu khác.

Những lập luận dựa vào cơ sở 1 xác định thời gian biên soạn sách phải là khoảng sau thế kỷ VIII TCN, nhưng lập luận này đã bị bác bỏ như đã trình bày ở phần trên. Lập luận dựa vào cơ sở 2 cho rằng, nhiều yếu tố ngôn ngữ Aram trong tác phẩm chỉ xuất hiện sau thế kỷ VI TCN, sau thời lưu đày, nhưng những nghiên cứu sau đó lại chỉ ra những từ này thuộc về nhóm ngôn ngữ có niên đại sớm hơn nhiều. Chúng xuất hiện cả trước và sau thời lưu đày. Những lập luận dựa trên cơ sở 3 thì cho rằng, sách có nhiều chi tiết như được trích dẫn từ Thánh Vịnh, sách Tô-bi-a, 3 Ma-ca-bê, Đa-ni-en, Ét-te. Do đó, thời gian biên soạn là trong thế kỷ IV TCN. Tương

[5] X. Douglas Stuart et al., *Hosea-Jonah, Word Biblical Commentary Volume 31*, ed. Bruce M. Metzger, David Allen Hubbard, and Glenn W. Barker (Zondervan Academic, 2014), 806. 817-819 (pdf). Phyllis Trible, "The Book of Jonah" in *New Interpreter's Bible Volume VII: Introduction to Apocalyptic Literature, Daniel, The Twelve Prophets,* Leander E. Keck, et al (Nashville: Abingdon Press, 1996), 466. Joyce Baldwin, "Jonah", in *The Minor Prophets: An Exegetical and Expository Commentary*, ed. Thomas Edward McComiskey (Michigan: Baker Academic, 2009), 545.

[6] X. James Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary* (Zondervan Academic, 2004), 22-23; 26-33 (pdf).

tự, lập luận dựa trên cơ sở 4 cho rằng tư tưởng thần học của sách Giô-na có sự cân nhắc dựa trên tình tiết của sách Giê-rê-mi-a 18,7-8, và nhằm chống lại sự cải cách khắt khe thời tái thiết đền thờ của Ét-ra và Nơ-khe-mi-a. Theo đó, sách được soạn thảo vào thời này. Nhưng lập luận phản bác được đưa ra là: sự tương đồng về cách diễn đạt cũng như tư tưởng trong bản văn tự nó không nhất thiết là minh chứng cho mối quan hệ phụ thuộc của hai bản văn (chúng có thể cùng lấy từ một nguồn khác, hoặc đơn giản là ngẫu nhiên trùng lặp). Hơn nữa, yếu tố mạc khải khiến một tư tưởng thần học có thể xuất hiện bất cứ giai đoạn nào, không biết tư tưởng nào có trước hay phụ thuộc vào tư tưởng nào. Còn việc cho rằng tư tưởng sách Giô-na nhằm tập trung chống lại việc cải cách của Ét-ra và Nơ-khe-mi-a là có phần hàm hồ khiên cưỡng. Vì nội dung sách Giô-na không hề đề cập tới các chủ đề cụ thể đó.

Như thế, lập luận vừa nêu không thể đứng vững trong việc khẳng định thời điểm và bối cảnh biên soạn cụ thể của sách Giô-na. Và thời gian bối cảnh biên soạn của sách Giô-na có thể nằm trong khoảng hai mốc điểm là từ thế kỷ VIII, theo tham chiếu 2 V 14,23-25 và trước thế kỷ II TCN, theo tham chiếu Hc 49,10.[7]

Theo người viết bài này, thời gian và bối cảnh sách Giô-na được xác định là suốt cả khoảng từ thế kỷ VIII – II TCN xem ra cũng là một khả thể chấp nhận được và hay hơn cả. Như Phyllis Trible cho thấy, qua nghiên cứu và tranh luận về những yếu tố không đồng nhất trong tác phẩm như thể văn, từ ngữ, thánh vịnh được thêm vào…, điều có thể được rút ra là: tác phẩm đã được nuôi dưỡng và lưu hành bởi nhiều truyền thống trong một thời gian rất lâu dài, sau đó một tác giả đã tổng hợp các truyền thống để biên soạn thành một câu chuyện mạch lạc.[8] Hay như James Bruckner nhận xét: chủ đề về lòng thương xót, sự tha thứ của Thiên Chúa dành cho những kẻ thù hung bạo của Ít-ra-en, tương quan của Ít-ra-en với kẻ thù và dân ngoại, là một cuộc tranh luận thần học lâu dài. Nó có thể đã được soạn thảo ngay từ thời Gia-róp-am II (786 – 746 TCN) rồi được tiếp tục biên tập qua suốt thời Át-sua quyền lực tới khi nó sụp đổ (612 TCN), rồi thời kỳ lưu đày Ba-by-lon (587 – 538 TCN), trong cuộc đấu tranh tái thiết sau đó dưới thời Ba Tư (538 – 333 TCN) và thậm chí cả khi người Do Thái nằm dưới sự thống trị của người Hy Lạp (333 – 163 TCN), La Mã (163 TCN – 70 SCN).[9] Theo người viết, việc đặt sách Giô-na trong bối cảnh kéo dài qua các thế kỷ như vậy không gây khó khăn, nhưng lại cung cấp nhiều góc cạnh rộng mở để hiểu nội dung nhất quán của thông điệp trong tác phẩm. Thông điệp vẫn có thể cho thấy rõ giá trị và tính đột phá về tư tưởng của nó trong toàn bộ bối cảnh lịch sử ấy.

3. Về Thể Văn Của Tác Phẩm[10]

Thể văn là một điểm khác lạ nữa của sách Giô-na. Các nhà nghiên cứu có thể chỉ ra một số đặc điểm thuộc những thể văn khác nhau nơi sách Giô-na, nhưng việc đồng nhất sách với một loại văn thể nào đó lại sẽ gặp vấn đề.

[7] X. James Limburg, *Jonah,* First Edition (Louisville, Ky: Westminster John Knox Press, 1993), 38-31.

X. Trible, "The Book of Jonah", 465-466. Nguyễn Văn Hội, *Giô-na Vị Ngôn Sứ Khác Người*, 133-137. Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary, 29-33*. Stuart, *Hosea-Jonah, Word Biblical Commentary Volume 31*, 806. 817-819. Baldwin, "Jonah", 544-546.

[8] X. Trible, "The Book of Jonah", 464-465.

[9] X. Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary, 29*.

[10] X. Trible, "The Book of Jonah", 466-474. Stuart, *Hosea-Jonah, Word Biblical Commentary Volume 31*, 809-812.

Một số tác giả cho rằng Giô-na là một câu chuyện dụ ngôn, với đặc điểm là chuyện nói về điều này để nhắm ý nói về điều khác. Theo đó, Giô-na như là đại diện cho Ít-ra-en ngoan cố, còn Ni-ni-vê đại diện cho những quốc gia biết hoán cải. Giô-na như là hình mẫu của công lý tranh đấu với Thiên Chúa là hình mẫu của lòng thương xót... Tuy nhiên, việc xác định Giô-na là một chuyện dụ ngôn lại không thỏa đáng ở nhiều chỗ. Trong khi dụ ngôn là một câu chuyện súc tích ngắn gọn, thì câu chuyện ở đây lại quá dài; trong khi những câu chuyện dụ ngôn thường phải kết thúc bằng một lời giải thích ý nghĩa của toàn bộ câu chuyện, cho thấy sự chuyển đối tượng, từ những điều được nói trong chuyện chuyển sang nói những điều khác, thì câu chuyện Giô-na không có điều ấy. Hơn nữa, trong khi chuyện dụ ngôn là một câu chuyện hư cấu, thì không thể khẳng định chắc chắn rằng Giô-na là một câu chuyện hư cấu.

Các nhà nghiên cứu cũng nhận thấy Giô-na mang đặc điểm của thể loại truyện dân gian. Ở đó, thế giới thực và thế giới hư cấu hòa trộn lẫn nhau. Nơi các trình thuật về cơn bão biển với đoàn thuỷ thủ và Giô-na, trình thuật về việc Giô-na bị một con cá lớn nuốt và mửa lên bờ, trình thuật về cảnh dân thành Ni-ni-vê cùng các con vật hoán cải, trình thuật về cây thầu dầu và con sâu, người đọc đều có thể nhận ra những mô-típ giống với các câu chuyện dân gian phổ biến nơi các nền văn hoá lân cận. Nhưng dù câu chuyện Giô-na có nhiều "hoạ tiết" dân gian như vậy, việc đồng hoá tác phẩm là truyện dân gian sẽ gặp vấn đề ở chỗ: trong khi chuyện dân gian hoàn toàn tránh sử dụng yếu tố lịch sử, thì Giô-na lại có những yếu tố lịch sử rõ ràng (nhân vật Giô-na, địa danh Ni-ni-vê).

Nhiều tác giả khác xác định Giô-na là một câu chuyện trào phúng biếm họa, bởi vì trong sách Giô-na rõ ràng có không ít những chi tiết tạo sự cường điệu, kỳ quái, bất ngờ, vô lý và mang tính hài hước châm biếm. Theo đó, các tác giả này coi Giô-na như là đối tượng của sự châm biếm hý hoạ trong toàn câu chuyện với tính ích kỷ hẹp hòi và ngoan cố. Thế nhưng nếu xác định Giô-na hoàn toàn là một câu chuyện châm biếm như vậy, sẽ có nhiều vấn đề đặt ra như: Nếu các chi tiết như trên mang tính châm biếm thì đối tượng châm biếm trong câu chuyện sẽ không chỉ là Giô-na mà còn là các thủy thủ, dân Ni-ni-vê và thậm chí cả Thiên Chúa. Hơn nữa, tính châm biếm còn phụ thuộc vào cách hiểu và cảm nhận chủ quan của người đọc. Người đọc có thể cảm thấy nực cười với cảnh người và vật sám hối ở Ni-ni-vê, nhưng cũng có thể thấy xót thương. Người đọc có thể thấy nực cười với Giô-na nóng nảy ích kỷ, nhưng lại có thể thấy đồng cảm thấm thía khi hiểu bối cảnh quan điểm của ông, hay thấy những nét "tích cực" nơi ông… Tương tự, những cố gắng để khép Giô-na vào một trong những thể loại văn chương khác đều không thoả đáng.

Có lẽ cho đến bây giờ, kết luận rằng Giô-na là một tác phẩm mang những đặc điểm của nhiều thể loại văn chương khác nhau, chứ không thể đồng nhất hoàn toàn với một thể loại nào, là kết luận phù hợp nhất. Những đặc điểm văn chương khác nhau đã được tác giả phối hợp sử dụng để chuyển tải nội dung thông điệp của tác phẩm một cách hiệu quả nhất. Người viết đồng ý với quan điểm này.

4. Về Cấu Trúc Cùng Bố Cục Bản Văn

Tuy có sự khác nhau về chi tiết, nhưng các học giả dường như đều dễ dàng đồng thuận với nhau rằng, về cơ bản, toàn sách Giô-na có dạng cấu trúc song đối. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng câu chuyện được kết cấu bởi hai trình thuật lớn là hai lần Chúa sai Giô-na đi. Lần thứ nhất là

chương 1 và 2; lần thứ hai là chương 3 và 4, với sự dày đặc những chi tiết song đối nhau rất chính xác.[11]

Riêng ở trong chính chương 4, James Bruckner nhận ra sự song đối giữa một bên là lời cầu nguyện trong thành Ni-ni-vê (4,1-5) với những câu hỏi của Đức Chúa bên ngoài thành Ni-ni-vê (4,6-11). Tuy nhiên, khi đi vào phân tích, tác giả lại chia chương sách thành ba phân cảnh. Phân cảnh thứ nhất: cc. 1-5 nói về cơn tức giận của Giô-na với Chúa. Phân cảnh thứ hai: cc. 6-8 nói về cây thầu dầu, con sâu và cơn gió đông. Và phân cảnh cuối: cc. 9-11 nói về lý luận của Chúa với cơn giận của Giô-na. Tương tự, Joyce Baldwin chia bản văn thành ba đoạn. Đoạn đầu: cc. 1-5 nói về phản ứng và tuyên bố của Giô-na. Đoạn hai: cc. 6-9 nói về việc Chúa đáp lại Giô-na bằng một dụ ngôn hành động. Đoạn ba: cc. 10-11 là lời sau cùng của Chúa. Trong khi đó, Douglas Stuart và Phyllis Trible lại chia bản văn thành hai phần. Phần một: cc. 1-5 là phản ứng tức giận của Giô-na và phản ứng của Chúa. Phần hai: cc. 6-11 là sự cứng đầu của Giô-na và sự giải thích của Chúa.[12]

Theo người viết, những sự phân chia bố cục như vậy chưa cho thấy rõ hết các yếu tố song đối và làm nổi bật ý nghĩa đặc biệt của phân cảnh Chúa hành động với hình ảnh cây thầu dầu trong bản văn. Thực vậy, Keller và Duane L. Christensen đã chỉ ra một loạt những yếu tố song đối theo dạng quy tâm (hay cũng có thể gọi đối ngẫu chéo/Chiasm[13]) rất chỉnh, ý nghĩa và thú vị trong cấu trúc bản văn. Cụ thể, theo Keller bản văn có sự đối ngẫu như sau:[14]

A: Cơn giận của Giô-na – c. 1-2a
B: Giô-na tuyên xưng lòng thương xót của Chúa dành cho Ni-ni-vê – c. 2c, 2d
C: Câu trả lời của Giô-na: "Con thà chết còn hơn sống" – c. 3
D: Câu hỏi của Chúa: "Ngươi nổi giận như thế có lý không?" – c. 4
E: Gio-na dựng một cái chòi để chờ "cơn giận" của Chúa – c. 5
F: Chúa khiến một cây thầu dầu mang lại niềm vui lớn cho Giô-na – c. 6
F': Chúa khiến một con sâu tiêu diệt cây thầu dầu – c. 7
E': Đức Chúa khiến cơn gió đông và mặt trời làm Giô-na ngất xỉu – c. 8
D': Câu hỏi của Chúa: "Ngươi nổi giận vì cây thầu dầu như thế có lý không?" – c. 9a
C': Phản ứng của Giô-na: "Con có lý để nổi giận cho đến chết" – c. 9b
B': Chúa nói về lòng thương xót của Giô-na dành cho cây thầu dầu – c. 10
A': Chúa biện minh cho lòng thương xót của mình đối với Ni-ni-vê – c. 11

[11] X. CGKPV, *Kinh Thánh*, 1997-1998. Nguyễn Văn Hội, *Giô-na Vị Ngôn Sứ Khác Người*, 20-31. Trible, "The Book of Jonah", 474-476. Raymond Edward Brown et al., eds., *The New Jerome Biblical Commentary*, Reissue, Subsequent edition (Englewood Cliffs, N.J: Pearson PTR, 1990), 634.

[12] X. Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary*, 36, 39. Baldwin, "Jonah", 548. Stuart, *Hosea-Jonah, Word Biblical Commentary Volume 31*, 909. Trible, "The Book of Jonah", 491.

[13] X. "Chiastic Structure," in *Wikipedia*, April 24, 2022, https://en.wikipedia.org/w/index.php?title=Chiastic_structure&oldid=1084446973.

[14] X. Jonathan Magonet, *Form and Meaning: Studies in Literary Techniques in the Book of Jonah* (Sheffield: UNKNO, 1983), 56-57.

Còn với Duane L. Christensen, sự đối ngẫu được thể hiện theo dạng:

A: Giô-na nói – c. 2-3
B: Thiên Chúa nói – c. 4
C: Giô-na hành động – c. 5
D: Thiên Chúa hành động – c. 6a, 6b
E: Giô-na hạnh phúc – c. 6c
F: Thiên Chúa hành động c. 7, 8a
E': Giô-na đau khổ – c. 8b
D': Giô-na nói – c. 8.b
C': Thiên Chúa nói – c. 9a
B': Giô-na nói – c. 9b
A': Thiên Chúa nói – c. 10-11[15]

Dựa theo cấu trúc của hai tác giả như trên, bố cục để phân tích chương này theo đề nghị của người viết sẽ gồm 3 phân cảnh. Phân cảnh một: cc. 1-5, phản ứng của Giô-na chống lại sự tha thứ của Chúa. Phân cảnh hai: cc. 6-8a, Chúa gửi đến Giô-na bài học trải nghiệm với cây thầu dầu. Phân cảnh ba: cc. 8b-11, cuộc hội thoại được nối lại và những lời sau cùng của Chúa. Sau đây, bài viết sẽ đi vào phân tích bản văn theo bố cục này.

Phân Tích Bản Văn

1. Phản Ứng Của Giô-na Trước Sự Hoán Cải Của Dân Thành Ni-ni-vê (Cc. 1-5)

Có lẽ người đọc sẽ phải phì cười ngay ở cảnh đầu tiên của chương với việc thuật lại phản ứng của ngôn sứ Giô-na trước sự tha thứ của Thiên Chúa dành cho dân thành Ni-ni-vê khi họ hoán cải. Có những điều bất thường, oái oăm, khôi hài ở đây. Ngay trước đoạn văn, người đọc được biết bối cảnh là dân Ni-ni-vê đã ăn năn sám hối, và "Thiên Chúa thấy việc họ làm, thấy họ bỏ đường gian ác mà trở lại, Người hối tiếc về tai họa Người đã tuyên bố sẽ giáng trên họ, Người đã không giáng xuống nữa" (3,10). Cứ sự thường, với tư cách là một ngôn sứ đã rao giảng lời Chúa, kêu gọi thành ăn năn hoán cải, Giô-na phải vui mừng vì điều này mới đúng. Nhưng đoạn văn lại bắt đầu với mô tả: "Ông Giô-na bực mình, ông bực mình lắm và ông nổi giận" (4,1). "Bực mình" gốc từ Do-thái là רַע cũng có nghĩa "tai họa", "xấu xa", "sai trái", "tồi tệ"; còn "nổi giận"/ חָרָה nghĩa đen là "bốc cháy", "bị thiêu đốt".[16] Như vậy, những từ mang sắc thái mạnh mẽ nhất trong tiếng Do-thái đã được tác giả sử dụng để biểu tả tâm trạng khó chịu và phản ứng quyết liệt của Giô-na chống lại ý Chúa. Nghệ thuật chơi chữ ở đây còn như tạo nên một sự đối nghịch tương phản. Trong khi dân thành Ni-ni-vê hoán cải từ bỏ sự dữ, Thiên Chúa quay lưng lại với điều dữ, thì với Giô-na đó lại là tai họa, và ông lại như đang bị bao quanh bởi sự dữ. Sự dữ như được khơi lên từ Giô-na để như đang ụp xuống chính ông.[17]

Sự oái oăm khôi hài tiếp tục được thể hiện ở lời cầu nguyện than trách như kêu gào của Giô-na: "Ôi, lạy ĐỨC CHÚA, đó chẳng phải là điều con đã nói khi còn ở quê nhà sao? Chính vì thế mà con đã vội vàng trốn đi Tác-sít. Thật vậy, con biết rằng Ngài là Thiên Chúa từ bi nhân hậu, chậm giận và giàu tình thương, và hối tiếc vì đã giáng hoạ" (c. 2). Khác hẳn với lời cầu nguyện khi ở trong bụng cá (2,2-10), ở đây ông kêu trách Chúa và biện minh cho động cơ chạy chốn đi Tác-sít của ông, khi ông được Chúa kêu gọi lần thứ nhất (1,3). Khi đó, tác giả sách đã trì hoãn

[15] Duane L Christensen, "Andrze J Panufnik and The Structure of The Book of Jonah: Icons, Music and Literary Art", *JETS* 28/2 (June 1985) 133-140.

[16] https://biblehub.com/interlinear/jonah/3-10.htm

[17] X. Trible, "The Book of Jonah", 517. Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary*, 124. Stuart, *Hosea-Jonah, Word Biblical Commentary Volume 31*, 911. Baldwin, "Jonah", 583.

thông tin, không cho biết nguyên nhân bỏ trốn của Giô-na. Người đọc có thể suy đoán, ngỡ rằng lúc đó ông chạy trốn vì sợ bị mất mạng, hay vì ông sợ mình không hoàn thành trách nhiệm và phải chứng khiến thảm hoạ đổ xuống dân Ni-ni-vê. Nhưng tới đây người đọc mới vỡ ra rằng hoàn toàn không phải như vậy. Thì ra điều khiến Giô-na bỏ trốn lại là sợ dân Ni-ni-vê hoán cải và Thiên Chúa sẽ xót thương tha thứ theo như bản tính của Ngài: "Ngài là Thiên Chúa từ bi nhân hậu, chậm giận và giàu tình thương, và hối tiếc vì tai hoạ giáng xuống". Ở đây có sự tuyên xưng một tín điều quan trọng đã được nhận biết và thấm nhuần cả truyền thống Thánh Kinh (Xh 34,6-7; Ds 14,18; Đnl 7,8-10; 2 Sb 30,9; Nkm 9,17.31; Tv 86,5.15; 103,8; 111,4; 112,4; 145,8; Ge 2,13; Nk 1,3). Bốn cụm từ xuất hiện trong câu văn theo nhịp điệu lần lượt diễn tả bốn thuộc tính thánh thiêng của Thiên Chúa: "Từ bi nhân hậu"/ וְרַחוּם חַנּוּן biểu thị sự thương xót trắc ẩn cứu giúp. Tính từ וְרַחוּם/ thương xót gắn với hình ảnh tử cung của người mẹ. "Chậm giận" אֲפַיִם אֶרֶךְ nghĩa đen là "cái mũi dài", cũng có nghĩa là thân thiện, kiên nhẫn, nhân từ, trái với 3,9. Còn "giàu tình thương" có nghĩa là yêu thương bền vững, vô điều kiện, chuyển tải trọn vẹn sự từ bi nhân hậu xót thương. Và "hối tiếc vì tai hoạ"/ וְנִחָם עַל־ הָרָעָה: là điều Thiên Chúa đã thực hiện ở 3,10. Oái oăm là lời tuyên xưng truyền thống này lại được được Giô-na thốt lên trong cơn tức giận và trở thành lời "phê bình" Thiên Chúa! Nó là nguyên cớ của việc chạy trốn tới Tác-sít và cũng là nguyên do cho đòi hỏi của ông lúc này.[18] Cũng có thể ông cho rằng hành động tuyên sấm cho dân Ni-ni-vê chẳng để làm gì vì cuối cùng thì Chúa cũng tha cho họ thôi. Việc gì ông phải mất công khổ cực tới lui hô hào cho mệt xác!

Và tiếng phì cười của người đọc có thể bật lên khi cuối lời cầu nguyện của mình, Giô-na như gào lên. "Giờ đây, lạy ĐỨC CHÚA, xin Ngài lấy mạng sống con đi, vì thà con chết còn hơn là sống!" (c. 3). Ở đây cũng như có sự tương phản: trong khi các thuỷ thủ và dân Ni-ni-vê sợ hãi cầu khẩn hy vọng được cứu cho khỏi chết thì Giô-na ở đây lại xin cho được chết. Chẳng phải trong lời cầu nguyện ở 2,3-10, người đọc thấy Giô-na cũng hoảng sợ trước cái chết đến phải kêu cầu thống thiết "từ lòng âm phủ, con cầu cứu...", kể cả hứa hẹn "con sẽ tiến dâng Ngài hy lễ…" để thoát chết đó sao? Vậy mà ở đây ông cương quyết thà chết còn hơn chấp nhận sự giải cứu Ni-ni-vê của Chúa! Cũng nực cười là ông coi chết còn hơn sống, nhưng ông không tự vẫn mà yêu cầu Chúa làm điều đó cho ông! Dường như Giô-na đang tỏ ra rất "quái". Có lẽ ông đang giở chiêu "Chí Phèo ăn vạ" với Chúa! Cứ lý mà nói, biết đâu trong đầu Giô-na lại chẳng đang có những suy tưởng này: "Trong cơn bão biển như thế Chúa đã không thể để mình chết thì giờ sao Chúa để mình chết được. Hơn nữa, dân Ni-ni-vê như thế mà Chúa còn chưa phạt, chẳng lẽ Chúa để thằng 'Chí Phèo' này chết"! Thật đến phì cười! Giô-na như đang gây sức ép cho Chúa và nằng nặc đòi điều mình muốn. Ông muốn áp đặt ý chí và lý lẽ của mình lên một Thiên Chúa giàu lòng thương xót và chậm giận với chiêu ăn vạ!

Đáp lại Giô-na, Thiên Chúa không nhắc tới việc ông bỏ trốn, không bàn về động cơ thần học của ông, cũng không đáp lại thỉnh cầu được chết của ông. Thay vào đó, Ngài tập trung vào trạng thái hiện tại của ông. Ngài đưa ông tập trung vào một trọng tâm khác trong câu chuyện với câu hỏi đặt ra cho ông: "Ngươi nổi giận như thế có lý không?". Đây thực sự là câu hỏi quan trọng nhất trong cuốn sách. Cụm từ "Có lý không?" ở đây, trong bản văn gốc là הֵהֵיטֵב còn có thể dịch là "có đúng không"/ "có quyền không"/ "có tốt không".[19] Theo tác giả James K. Bruckner, câu

[18] X. Trible, "The Book of Jonah", 517. Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary,* 124-128. Baldwin, "Jonah", 583. Limburg, *Jonah,* 90-92.

[19] https://biblehub.com/interlinear/jonah/4-4.htm

hỏi không mang nghĩa pháp lý (có quyền không) mà mang nghĩa đạo đức (có tốt không),[20] nhưng theo người viết bài này thì câu hỏi có thể hiểu theo cả hai nghĩa đó. Như thế, Thiên Chúa mời gọi Giô-na xem xét lại cơn giận của ông một cách thấu đáo, sâu rộng, với nhiều khía cạnh, khiến Giô-na "nín"! Trong tình cảnh mà Giô-na đang ăn vạ, gây áp lực, muốn nhất quyết làm cho ra lẽ, thì cách hỏi và câu hỏi của Chúa có lẽ cũng "không hiền" đâu! Rồi Giô-na đã không trả lời câu hỏi mà ngang bướng lảng tránh khỏi câu chuyện. Ông bỏ ra ngoài thành. Và từ đây, lại có liên tiếp những tình tiết khiến độc giả phải phì cười: từ thế bị công kích, Đức Chúa sẽ cho Giô-na "biết thế nào là lễ độ", thế nào là chết và sống. Ngài còn lâu mới để Giô-na thảnh thơi "ngồi xem phim ác diễn ra ở Ni-ni-vê"! Dù Giô-na đã yên vị dưới bóng mát của cái lều do mình làm ra, Chúa vẫn "căng thêm cái dù" trên đầu ông và bắt đầu quá trình "thao túng tâm lý" cái lão cứng đầu này, như người đọc sẽ sớm chứng nghiệm.

Câu tiếp theo của bản văn cho biết: "Ông ra ngoài thành và ngồi ở phía đông thành. Ở đó ông làm một cái lều, rồi ngồi bên dưới, trong bóng mát, để xem cái gì sẽ xảy ra trong thành" (c. 5).[21] Ở đây người đọc lại có thể bật cười với hình ảnh Giô-na được mô tả như một đứa trẻ không nói không rằng, vùng vằng bỏ đi không thèm nói chuyện với Chúa nữa. Ông tỏ ra ngang bướng với chính kiến của mình. Ông cắt đứt cuộc đối thoại, tạo khoảng cách, không nếm xỉa đến điều Chúa gợi ý, mà giữ lấy điều mình chú tâm. Ông đã đi từ phía tây vào thành và giờ ra khỏi thành tới một chỗ ở phía đông để chờ đợi dân thành Ni-ni-vê sẽ bị Chúa huỷ diệt theo ý mình. Giô-na lại muốn trốn khỏi sự hiện diện của Chúa bằng sự di dời vị trí địa lý, bằng việc tạo một nơi trú ẩn, ngồi xuống để củng cố vị trí cố thủ, và kiên quyết muốn thấy điều mình muốn. Nhưng thật hài hước nếu liên hệ lại những gì đã xảy ra. Ông đã chạy đi Tác-sít, trốn trong con tàu mà vẫn không thoát khỏi Chúa; ông muốn cố thủ nhưng ông đã bị trục xuất; ông không muốn Ni-ni-vê được cứu nhưng ông đã thất vọng. Vậy mà giờ đây ông còn muốn trốn tránh Chúa bằng những hành động và phương tiện nhỏ bé đó! Từ "thành phố" được lặp lại tới 3 lần như để nhấn đi nhấn lại sự quan tâm nhất quyết của Giô-na là sự sụp đổ của thành Ni-ni-vê, thay vì suy xét thay đổi thái độ của mình.[22]

Như thế, ngay ở phân cảnh đầu, tác giả đã mang tới cho người đọc những pha phì cười mà ở đó một loạt những tình tiết oái oăm khôi hài khiến Giô-na hiện lên như một biếm hoạ về sự giận dỗi, ích kỷ hẹp hòi và ngang bướng. Nhưng có lẽ ngay khi tiếng cười lặng đi, để những khoảng lặng cho sự suy ngẫm, người đọc lại nhận thấy có điều chi rất nghiêm túc và thật thấm thía nơi Giô-na. Ông như đang đại diện cho chủ nghĩa dân tộc nhiệt thành thẳng thắn của Ít-ra-en. Ông có sự xác tín trung thành với truyền thống kinh nghiệm về Thiên Chúa nhân ái ban ơn. Chỉ là ông không thể chấp nhận ơn ấy lại được dành cho kẻ thù của dân tộc mình là Ni-ni-vê. Trong một bối cảnh lịch sử mà kẻ thù mang quá nhiều tội ác man rợ với dân tộc mình, Giô-na cảm thấy không thể chấp nhận lòng thương xót huỷ hoại công lý. Yêu cầu được chết của ông ở đây, như gợi nhớ tới yêu cầu của Ê-li-a ở 1 V 19,4, Mô-sê ở Xh 32,32; Ds 11,15, của Giốp ở G 6,8-9, của Giê-rê-mi-a ở Gr 20,14-18. Tuy lý do xin chết của Giô-na khác các tiên tri kia, nhưng nó cũng thể hiện sự khốn khổ của ông. Vấn đề thực sự nhức nhối chứ không đơn giản. Giả như người đọc đặt mình trong cảnh huống như đang chịu sự giày xéo tàn nhẫn của một đế quốc hung bạo, hay đang chịu sự tàn sát của một nhóm khủng bố dã man, hoặc chế độ diệt chủng

[20] Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary*, 128.

[21] Có học giả cho rằng câu này phải nằm ngay sau 3,4. Nhưng không nhất thiết phải là như vậy.

[22] X. Trible, "The Book of Jonah", 519. Stuart, *Hosea-Jonah, Word Biblical Commentary Volume 31*, 914-915. Baldwin, "Jonah", 586.

man rợ… mà lại thấy Thiên Chúa như đang đứng về phía những kẻ ấy, và mời gọi mình rao truyền cùng chứng kiến lòng thương xót, ơn cứu độ được ban cho những kẻ ấy, thì người đọc cảm thấy thế nào? Giô-na ở đây đang bị châm biếm cười cợt, hay đáng được thông hiểu và đồng cảm?[23]

Trở lại với câu chuyện, trước câu hỏi của Chúa, Giô-na bỏ ra ngoài thành, và Thiên Chúa không bỏ cuộc. Ngài lại lẽo đẽo theo Giô-na. Ngài tìm cách để nối lại câu chuyện với ông và Ngài hành động để gửi tới ông một bài học trải nghiệm.

2. Thiên Chúa Gửi Tới Giô-na Bài Học Trải Nghiệm Với Cây Thầu Dầu (Cc. 6-8a)

Nếu như ở phần trước, Chúa khiến gió bão ập vào thuyền của đoàn thủy thủ có chứa Giô-na, sai khiến một con cá lớn nuốt ông và mửa ông lên bờ, thì ở đây Ngài lại có những sai khiến khác với thiên nhiên. Đầu tiên, "ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa khiến một cây thầu dầu mọc lên ở phía trên ông Giô-na để có bóng mát che đầu ông, hầu làm ông hết buồn bực. Ông Giô-na vui, vui lắm vì cây thầu dầu" (c.6). Thực ra "cây thầu dầu" trong bản văn gốc là קִיקָיוֹן chỉ xuất hiện duy nhất ở đây và không thể được xác định rõ là loại cây gì. Người đọc chỉ có thể đoán biết là loại cây này có thể mọc rất nhanh và có lá hay tán lá lớn, như tác dụng của nó được câu văn trình bày rất rõ ràng và đáng chú ý: "để có bóng mát che đầu ông". Hẳn căn lều mà Giô-na dựng trong vùng đất Lưỡng Hà, vốn khan hiếm vật liệu để làm mái, đã không thể đảm bảo che nắng cho ông. Việc tránh khỏi ánh nắng là vấn đề lớn với ông lúc này. Và khi ấy chỉ có cây thầu dầu Chúa ban mới tạo ra bóng mát che cho ông. Nhưng không chỉ vậy, câu văn còn nói thêm là "hầu làm ông hết buồn bực". Ở đây, từ "tức giận" רָעָה tiếp tục xuất hiện cùng lối chơi chữ. "Làm cho hết buồn bực" cũng là làm cho "thoát khỏi sự bốc cháy", "thoát khỏi sự dữ/tai họa". Cũng như đoàn thủy thủ và dân Ni-ni-vê đã được Chúa cứu khỏi sự dữ, Thiên Chúa đang muốn cứu Giô-na khỏi sự dữ. Cái chòi như để định vị cho thấy con người của ông là thế nào, và cái cây như để cứu ông khỏi chính cái tôi đó của ông. Rồi câu văn mô tả ông "vui thích, vui thích lắm". Từ "vui thích" xuất hiện hai lần liền và không xuất hiện ở đâu khác. Dường như cái cây Chúa gửi tới đã thay đổi được Giô-na, thay thế sự tức giận của ông bằng niềm vui.[24]

Tuy nhiên để cứu Giô-na khỏi sự dữ, để mang tới cho ông bài học trải nghiệm quan trọng, Thiên Chúa tiếp tục hành động: "Nhưng hôm sau, khi hừng đông ló rạng, Thiên Chúa khiến một con sâu cắn cây thầu dầu và cây bị héo (c. 7). Không biết loại sâu này cụ thể là sâu gì, tốc độ ăn cây của nó ra sao và cây ở đây dễ bị chết thế nào, chỉ biết hệ quả là cây đã bị héo tức thì. Và từ "héo" יָבֵשׁ ở đây đã như làm vọng lại từ "đất khô"/ יַבָּשָׁה trong lời tuyên xưng đức tin ban đầu của Giô-na (1,9), nơi mà các thủy thủ tuyệt vọng chèo thuyền đến (1,13) và nơi mà con cá lớn đã nôn Giô-na ra (2,10). Như thế, sự "héo tàn" ở đây lại như báo hiệu hành động của Chúa hướng đến sự giải cứu Giô-na. Rồi "khi mặt trời mọc, Thiên Chúa cho có một cơn gió đông nóng bỏng, và mặt trời giội nắng xuống đầu ông Giô-na; ông ngất xỉu và xin cho mình được chết" (c.8a, 8b). Giô-na đã có đủ thời gian để trải nghiệm, tận hưởng niềm vui thích từ bóng mát của cây thầu dầu đem lại cho ông. Để rồi khi cây héo không còn khả năng che nắng, cơn gió đông nóng và mặt trời đã tấn công đầu ông khiến ông xây xẩm và cảm thấy khốn khổ đến nỗi phải thốt lên lời xin chết. Các nhà nghiên cứu cho biết nơi vùng đất Giô-na đang ở bấy giờ

[23] Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary*, 28-33, 127-129. Stuart, *Hosea-Jonah, Word Biblical Commentary Volume 31*, 911.

[24] X. Trible, "The Book of Jonah", 520-521.

thực sự có những cơn gió đông nóng cùng ánh nắng mặt trời gay gắt đến độ có thể gây tổn hại ảnh hưởng nghiêm trọng tới thể lý và tâm thần của con người. Từ "tấn công" וַתַּךְ ở câu trên dành cho cây thầu dầu được dùng lại ở đây dành cho Giô-na. Và lời xin chết của Giô-na làm vọng lại lời cầu nguyện của ông ở c. 3.[25]

Có lẽ ở những tình tiết này, người đọc cũng đã phải phì cười. Bởi đoạn văn trình thuật Thiên Chúa như thật oái oăm, vừa tìm cách dỗ dành Giô-na làm ông thấy thoải mái vui vẻ, rồi lại chọc ghẹo Giô-na làm cho ông khổ sở và nổi giận. Còn Giô-na hiện lên như đứa trẻ buồn vui nổi giận xoay quanh mong muốn của bản thân mình. Bởi có một sự chuyển đổi tâm trạng và cảm xúc rất nhanh nơi Giô-na. Đang từ sự hậm hực bực tức, bận tâm chờ đợi thành Ni-ni-vê bị tiêu diệt, Giô-na liền cảm thấy vui thích với bóng mát của cây thầu dầu Chúa gửi tới. Rồi ngay sau đó, ông lại lập tức giãy nảy đòi chết khi cây thầu dầu bị khô héo và gió nóng cùng mặt trời tấn công ông. Bất kể điều lớn hay nhỏ (với Ni-ni-vê hay cây thầu dầu), cứu vớt hay huỷ diệt, cứ trái ý ông là ông nổi giận đòi chết. Ông như trở thành bức tranh hí hoạ bị châm biếm bởi sự ích kỷ của ông.

Nhưng đằng sau tiếng phì cười, nếu ngẫm kỹ người đọc có thể nhận ra tác giả bản văn như đang muốn dùng những chi tiết cường điệu hài hước ấy với dụng ý làm nổi bật những điều quan trọng. Những hành động ở đây, với tác nhân là Thiên Chúa, thực sự là cách thức mà Ngài muốn để đưa Giô-na quay về cuộc đối thoại ban đầu, và để giải thoát Giô-na. Đặc biệt, những góc cạnh khác của dung mạo Giô-na ngay trong chính tình tiết của đoạn này như còn đang bị che khuất, ngầm mời gọi độc giả chờ đợi vén màn. Tình tiết tinh tế này được Phyllis Trible gợi ý: ba sự kiện với ba hành động được mô tả theo cùng một cấu trúc và những từ vựng được lặp lại. Mỗi sự kiện bắt đầu với một sự sai khiến chỉ định của Thiên Chúa (cây thầu dầu, con sâu, mặt trời với cơn gió đông nóng). Rồi mỗi sự kiện mang lại một hệ quả. Cây thầu dầu che mát cho Giô-na; con sâu làm chết cây thầu dầu và mặt trời với cơn gió đông nóng dội xuống đầu làm Giô-na xây xẩm. Tuy nhiên cũng có một sự khác biệt đáng chú ý là: trong khi cây thầu dầu che bóng mát khiến Giô-na vui thích, mặt trời với gió đông nóng làm Giô-na xây xẩm và xin được chết, thì việc cây thầu dầu chết lại không cho biết phản ứng của Giô-na thế nào. Điều này chỉ được tiết lộ trong những câu cuối cùng.[26] Quả thực, người viết nhận thấy nếu như c. 6 (Thiên Chúa khiến cây thầu dầu mọc để che mát cho đầu Giô-na và đã gây cho ông sự vui thích) là sự đối xứng với c. 8a, 8b (Thiên Chúa khiến gió và mặt trời tấn công đầu Giô-na, khiến ông xây xẩm và xin chết), thì trục tâm đối xứng chính là c. 7 (Thiên Chúa khiến sâu cắn cây thầu dầu chết). Ở đây có sự hàm chứa yếu tố then chốt mà người đọc phải tò mò chờ đợi sự vén màn ở cảnh sau cùng.

3. Cuộc Đối Thoại Được Nối Lại Và Những Lời Sau Cuối Của Thiên Chúa (Cc. 8c-11)

Những hành động ở trên của Chúa đã giúp nối lại cuộc đối thoại giữa Giô-na và Ngài. Giô-na được đưa trở về để ý thức được việc đương đầu với vấn nạn hiện tại của ông, tức là ý nghĩa của cơn tức giận. Bấy giờ Giô-na lại kêu lên: "Thà con chết còn hơn là sống" (c. 8c). Lời này lặp lại lời nguyện của ông trong cuộc thoại trước đó (c. 3). Rồi Chúa cũng hỏi lại ông câu hỏi như trước (c. 4), nhưng lần này câu hỏi có nêu thêm nguyên do cụ thể cho cơn giận: "Ngươi nổi

[25] X. Trible, "The Book of Jonah", 521. Bruckner, *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah, The NIV Application Commentary*, 131. Stuart, *Hosea-Jonah, Word Biblical Commentary Volume 31*, 915-917.

[26] X. Trible, "The Book of Jonah", 520.

giận vì cây thầu dầu như thế có lý không?" (c. 9). Và lần này Giô-na không thinh lặng bỏ đi nữa, mà ông thừa nhận và trả lời rõ ràng: "Con có lý để nổi giận đến chết được?" Lời phát biểu không những khẳng định "có" mà còn như kiên quyết, nhấn mạnh thêm ở chỗ "đến chết được". Có quan điểm bình giải cho rằng đây là câu trả lời hoàn toàn không được mong đợi cho câu hỏi tu từ của Chúa.[27] Tuy nhiên theo người viết, xét như trải nghiệm để rút ra những bài học đằng sau, có lẽ đây là câu trả lời mà Chúa muốn Giô-na thốt lên, để chính lời ấy của ông, một cách trớ trêu hài hước, lại trở thành lời tố cáo những sự vô lý của ông. Cụ thể với câu trả lời ấy Giô-na sẽ phải đối diện với nhiều chất vấn. Nếu như ông đã trải nghiệm niềm vui thích vì được Chúa ban cho cây thầu dầu để che mát giải cứu ông khỏi tai hoạ, thì chẳng phải sẽ là vô lý khi ông tức giận trước sự tha thứ giải thoát mà Chúa dành cho Ni-ni-vê sao? Nếu như ông đã cảm thấy tức giận đến chết khi cây thầu dầu bị tiêu diệt để cho ông khổ sở vì gió nóng và mặt trời tấn công ông, thì chẳng phải việc ông vui thích muốn thấy Ni-ni-vê bị tấn công tiêu diệt sẽ trở thành một sự vô lý và mâu thuẫn hay sao? Nếu ông đã trải nghiệm Thiên Chúa mới là Đấng sáng tạo dựng nên vạn vật và có tự do ban điều này cất điều kia cho người nào Ngài muốn, thì việc ông đòi Chúa phải ban ơn giải thoát cho mình và hạn chế điều đó với kẻ khác có phải là một sự vô lý không?

Giô-na cần một bài học trực quan sinh động. Ở c. 4, Chúa hỏi Giô-na ngắn gọn: "Ngươi nổi giận như thế có lý không?" Giô-na không trả lời được vì quả thật, "cái lý" của ông là cái lý vu vơ. Ở c. 9, Chúa lặp lại câu hỏi và "mớm cung" cho Giô-na bằng cách thêm cụm từ "vì cây thầu dầu", tức cái cây mà trước đó Chúa đã "đầu tư" như thể người ta làm cái "giáo cụ thí nghiệm" cho học trò Giô-na dễ hiểu hơn. Thế là Giô-na rơi tõm vào "cái bẫy" này khi vội vã củng cố cho "cái lý Chí Phèo" hay ăn vạ qua việc đòi chết hết lần này đến lần khác của mình. Tất cả như thể một quá trình "lắp đạn, lên nòng" rất bài bản, chỉ còn chờ một cú "bóp cò" (Gn 4,10-11) để bắn tan "cái tôi bướng bỉnh" của Giô-na.

Tuy nhiên, xem ra quan điểm lập luận của Giô-na dựa trên công lý vẫn mạnh mẽ, cương quyết và nhất quán: Chúa có thể ban ơn giải thoát cho ông cũng như dân tộc Ít-ra-en vì ông cũng như dân tộc Ít-ra-en là dân riêng tuyển chọn của Chúa, nhưng với dân Ni-ni-vê thì không thể được vì chúng là dân ngoại giáo và còn kẻ thù quá dã man tàn ác của Ít-ra-en. Để rồi, từ chính trải nghiệm của Giô-na, Thiên Chúa đã khiến ông phải đương đầu, giằng co và chất vấn bởi lập luận của lòng thương xót trắc ẩn. Những lời sau cuối của Chúa gói trong hai câu vén lộ nhiều điều đặc biệt như những thông điệp sâu sắc và đột phá nhất:

ĐỨC CHÚA phán: "Ngươi, ngươi thương hại cây thầu dầu mà ngươi đã không vất vả vì nó, và không làm cho nó lớn lên; trong một đêm nó đã sinh ra, rồi trong một đêm lại chết đi. Còn Ta, chẳng lẽ Ta lại không thương hại Ni-ni-vê, thành phố lớn, trong đó có hơn một trăm hai mươi ngàn người không phân biệt được bên phải với bên trái, và lại có rất nhiều thú vật hay sao?" (cc. 10-11)

Như Magonet chỉ ra, những lời phát biểu của Chúa ở đây là một sự đối xứng cân đối với lời phát biểu của Giô-na ở c. 2 (cả hai đều có đúng 39 từ) như một câu trả lời tận căn thấu đáo cho phản ứng và vấn nạn của Giô-na.[28] Còn theo Phyllis Trible ở đây có một cấu trúc đặc biệt cho thấy tương quan đối xứng tương phản trong nội dung của hai câu, giúp làm nổi bật ý nghĩa

[27] X. Trent C. Butler, *Holman Old Testament Commentary - Hosea, Joel, Amos, Obadiah, Jonah, Micah*, ed. Max Anders (Nashville, Tenn: Holman Reference, 2005), 368 (pdf).

[28] X. Magonet, *Form and Meaning*, 56.

thông điệp được chuyển tải. Cả hai câu đều chứa mệnh đề độc lập theo sau là mệnh đề quan hệ. Ở mệnh đề độc lập, đại từ nhân xưng "ngươi" và "Ta" lần lượt nhấn mạnh Giô-na và Thiên Chúa, với động từ được dùng cho cả hai là "thương hại". Tuy nhiên đối tượng thương hại của Giô-na là cây thầu dầu và đối tượng thương hại của Chúa là thành Ni-ni-vê. Hai mệnh đề này tạo thành sự song đối A và A'. Hai mệnh đề quan hệ cũng tạo thành sự song đối, trong đó sự tương phản và đối xứng giữa đối tượng thương hại của Giô-na và Chúa được thể hiện. Thứ nhất là sự tương phản về kích cỡ số lượng và giá trị: cây "mà ngươi đã không vất vả vì nó và không làm cho nó lớn lên"- B, tương phản với thành Ni-ni-vê, "thành phố lớn, trong đó có hơn một trăm hai mươi ngàn người" – B'. Thứ hai là đối xứng về phẩm chất: một cây phù du non nớt vô tri "trong một đêm sinh nó đã sinh ra rồi trong một đêm lại chết đi" (dịch sát nghĩa đen là "con của một đêm" – C đối với đoàn dân "không phân biệt với bên phải với bên trái" - C'. Từ "chết"/ אָבַד ở đây đã xuất hiện 3 lần khi nói về hy vọng và lời cầu khẩn cho khỏi chết của các thuỷ thủ và vua Ni-ni-vê (1,6.14; 3,9). Và ở đây, nó như một cú hích gợi nhớ tới sự thống khổ và khao khát được thoát chết của bao con người. Còn "không phân biệt trái phải" ở đây có thể hiểu là khờ dại, thiếu sự phân định chín chắn theo đường lối Chúa. Và ở cuối câu thứ hai có thêm sự mô tả mở rộng về thành là "có rất nhiều thú vật" – D, như trọng âm cuối càng làm tăng sự tương phản giữa cái "lớn" của Ni-ni-vê so với cây thầu dầu. Nó "lớn" về dân chúng, đô thị và với sự bao hàm cả vô số động thực vật thiên nhiên trong đó.[29]

Trible cũng nhận thấy sự thiếu cân bằng giữa hai câu: câu tường thuật (c.10) chỉ có mười sáu từ, như tạo tiền đề cho hai mươi ba từ của câu nghi vấn (c. 11). Điều này phù hợp với dụng ý tạo sức nặng của lập luận. Nó là sự chuyển động từ "nhỏ" đến "lớn", một dạng lập luận mà trong tiếng Latin gọi là *a minori ad maius* và trong tiếng Do-thái gọi là *gal wahomer*. Kiểu lập luận này cũng khá phổ biến trong Kinh Thánh (xem Đnl 31,27; 2 V 5,13; Mt 6,30; 10,31; 12,12; Lc 12,24). Người viết hiểu nó là dạng lập luận theo kiểu nói về cái nhỏ trước (lòng thương hại Giô-na dành cho cây thầu dầu) như "bàn đạp" để tiến tới sự thuyết phục khi nói về cái lớn (lòng thương hại Chúa dành cho Ni-ni-vê). Sự song đối tương phản rõ ràng đã tạo nên một sức nặng và tính thuyết phục mạnh mẽ cho lập luận. Nếu như Giô-na thương hại cho cái chết của một cây thầu dầu nhỏ bé phù du mà ông không liên hệ gì, thì chẳng lẽ Thiên Chúa lại không quan tâm thương xót tới cả một thành Ni-ni-vê rộng lớn với bao con người cùng vô số động thực vật đáng thương trong đó sao![30]

Và đặc biệt, "thương hại" hay thương xót/ חוּס chính là điểm mấu chốt và như một tia sáng bật lên ở đây. Như đã phân tích ở trên, חוּס là "dạ mẹ", là nhân từ trắc ẩn, một thuộc tính của Thiên Chúa, là thái độ Chúa đang dành cho Ni-ni-vê. Nhưng ở đây, Lời Chúa được dùng cho Giô-na. Phyllis Trible đã tinh tế phát hiện nó chính là thông tin bị trì hoãn ở câu 7, và đã cung cấp những ánh sáng làm tỏ lộ những ý nghĩa mới cho câu chuyện. Thực vậy, như đã nêu ở trên, khi cây

[29] And said Yhwh,

A You, you pitied for the plant,

B which you did not plant and did not cause to be great,

C which became a child of the night and perished a child of the night.

A′ And I, shall not I pity for Nineveh the great city

B′ which [has] in it many more than one hundred and twenty thousand humans

C′ who do not know between his right hand and his left

D and animal[s] many?

X. Trible, "The Book of Jonah", *522*.

[30] X. Phyllis Trible, "The Book of Jonah", 522. James Limburg, *Jonah*, 97.

thầu dầu bị chết héo, câu chuyện đã không ghi lại phản ứng của Giô-na và để lại một khoảng trống. Chỉ đến đây, khoảng trống mới được lấp đầy bởi lời đáng tin cậy nhất là lời của Thiên Chúa. Ngài đã nói với Giô-na: "Ngươi, ngươi đã thương hại cây thầu dầu". Không giống như phản ứng vui mừng và tức giận (c. 6, 8), lòng thương hại ở đây là lòng trắc ẩn vô tư, không ích kỷ. Như thế, điều này đã mở rộng góc nhìn, giúp người đọc vượt khỏi bức chân dung một chiều về Giô-na. Giô-na đâu phải chỉ có mỗi sự tức giận, chỉ như khuôn mẫu về sự bất tuân và ích kỷ, hay chỉ là một bức biếm họa để châm biếm và hài hước! Ông cũng có lòng thương xót trắc ẩn. Dù cho điều đó chỉ ẩn tàng thoáng lóe lên, thì Thiên Chúa cũng đã chộp bắt được. Để rồi, trải nghiệm bé bé nhưng thật quý báu về lòng thương xót trắc ẩn (chứ không phải sự nổi giận, tính công bằng, công lý) của Giô-na đã trở thành tiền đề để Thiên Chúa lập luận về lòng thương xót của Ngài đối với Ni-ni-vê. Và lập luận này cũng mở rộng sự tỏ lộ về chính Thiên Chúa. Nếu như trước đây, Chúa đã hối tiếc không giáng họa vì Ni-ni-vê đã ăn năn (3,10; 4,2), thì bây giờ Thiên Chúa còn tỏ ra cho thấy lòng thương xót của Ngài độc lập với sự ăn năn, vượt quá sự xứng đáng của Ni-ni-vê.[31] Đó là lòng thương và tình yêu thực sự vô điều kiện.

Trước câu hỏi của Thiên Chúa, câu chuyện dừng lại, nhưng không kết thúc, để lại một khoảng mở. Hay có thể nói nó là một kết thúc mở giống như kết thúc của câu chuyện dụ ngôn "Người con hoang đàng" ở Lc 15,11-32. Dụ ngôn người con hoang đàng ở Tin Mừng cũng kết thúc với cảnh Người Cha chạy ra tỉ tê năn nỉ người anh cả vào nhà, đón nhận người em thứ ăn năn trở về với tấm lòng nhân hậu của Người Cha. Anh cũng được giải thích rằng người con thứ được nhận lòng thương xót, sự tha thứ không phải vì anh đã làm gì xứng đáng, mà chỉ vì Cha vẫn coi anh là con và ban ơn huệ nhưng không. Và chính người con cả cũng nhận được được tình yêu nhưng không ấy bấy lâu. Rồi câu chuyện khép lại mà không cho biết anh đáp lại Cha thế nào. Cũng giống như người anh cả, để hiểu được sự tha thứ của Chúa dành cho Ni-ni-vê, để được giải thoát khỏi sự dữ, để thực sự có được điều tốt đẹp, Giô-na được mời gọi mặc lấy tâm tình thương xót thánh thiêng cùng với tình yêu nhưng không của Thiên Chúa dành cho tất cả các tạo vật của Ngài, bất luận chúng thế nào. Câu chuyện dừng lại mà không cho biết Giô-na sẽ phản ứng đáp lại lời ngỏ, lời thổ lộ giãi bày ấy của Thiên Chúa thế nào. Điều này lại khiến người đọc có thể cảm thấy Giô-na như biến mất, để đặt vào đó là chính bản thân mình phải đối diện với lời Chúa. Người đọc cảm thấy như Chúa đang ngỏ lời trực tiếp với chính mình và mời gọi mình suy ngẫm đáp trả. Muốn phá vỡ sự thinh lặng của Giô-na ở đây, người đọc phải tự mình đáp trả![32]

Tới đây, bài viết xin được rút ra một vài phản tỉnh áp dụng thần học từ những gì đã phân tích trong chương sách này.

Phản Tỉnh Áp Dụng Thần Học

1. Tính Không Biên Giới Trong Lòng Thương Xót Của Thiên Chúa

Từ những phân tích trên, người viết nhận thấy sự độc sáng và cách mạng trong thông điệp thần học của sách Giô-na nói chung và chương 4 nói riêng, trước hết, chính là việc nói về tính không biên giới nơi lòng thương xót của Thiên Chúa. Thực vậy, như đã phân tích, lời tuyên xưng của Giô-na cho thấy, vào thời của ông kinh nghiệm và nhận thức về một Thiên Chúa là Đấng nhân

[31] X. Phyllis Trible, "The Book of Jonah", 523-524.

[32] X. David L. Bartlett, *The New Interpreter's Bible One-Volume Commentary*, ed. Beverly Roberts Gaventa and David L. Petersen, 1st Edition, 1st Printing (Nashville, Tenn: Abingdon Press, 2010), 1114 (pdf).

hậu từ bi, giàu lòng thương xót, sẵn sàng tha thứ đã bén rễ sâu và trở thành niềm xác tín trong truyền thống của dân Ít-ra-en (c. 2). Tuy nhiên, những phản ứng quyết liệt chống lại việc Chúa thương xót tha thứ cho Ni-ni-vê của ông lại cho thấy truyền thống ấy đã giới hạn lòng thương xót của Chúa trong những "biên cương" của quốc gia dân tộc, của chính trị, của tôn giáo và đạo đức... Theo đó, tư tưởng của Giô-na, cũng là đại diện cho tư tưởng của một truyền thống trong thời đại ông, vốn cho rằng Thiên Chúa chỉ được ban ơn tỏ lòng thương xót với dân Người tuyển chọn là dân thánh Ít-ra-en mà thôi. Tuyệt đối không có chuyện lòng thương xót ấy được ban cho dân ngoại, dân tội lỗi và đặc biệt là những đế quốc tàn ác tội lỗi, thù nghịch của Ít-ra-en như Át-sua. Trong bối cảnh ấy, thông điệp thực sự mang tính cách mạng được vang lên từ bản văn là: tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa không hề có giới hạn. Cả Giô-na cũng như Ít-ra-en, và cả các thuỷ thủ cùng thành Ni-ni-vê ngoại giáo, tội lỗi, thậm chí cùng hết thảy vạn vật sinh linh, đều là đối tượng của lòng thương xót Chúa.[33] Không ai có quyền giới hạn lòng thương xót Chúa. Việc giới hạn đó sẽ là tai hoạ tồi tệ, thay vì nảy sinh những điều thiện hảo tốt đẹp. Ơn cứu độ của Chúa là phổ quát cho toàn thể con người và vạn vật.

Và lòng thương xót không biên giới, vượt lẽ công bình tự nhiên, cùng ơn cứu độ phổ quát cũng chính là thông điệp thấm đẫm trong Tân Ước, nơi chính là dung mạo, cuộc đời và sứ mạng của Chúa Giê-su Ki-tô. Chính cuộc đời của Chúa Giê-su đã tỏ ra Ngài là Đấng Mê-si-a đến để ứng nghiệm lời tiên báo của I-sai-a: "… loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn,… công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả lại tự do cho người bị áp bức, công bố một năm hồng ân của Thiên Chúa" (Lc 4,17-19). Và Ngài xác định: "Ta đến không phải để kêu gọi người công chính, nhưng là để kêu gọi người tội lỗi" (Mt 9,13). Theo đó, Ngài đã luôn thao thức không ngừng để đi xa hơn, tới với nhiều người hơn, cứu hết thảy nhân loại, kể cả những dân ngoại. Khi mọi người muốn níu giữ Người ở một chỗ, Chúa Giê-su nói với các môn đệ: "Chúng ta hãy đi nơi khác, đến các làng xã xung quanh, để Thầy còn rao giảng ở đó nữa, vì Thầy ra đi cốt để làm việc đó". Người đi khắp miền Ga-li-lê, rao giảng trong các hội đường của họ, và trừ quỷ (Mc 1,38-39; Lc 4,42-44). Ngài đã không ngại tiến vào vùng đất ở Sa-ma-ri để trò chuyện với người phụ nữ bên bờ giếng (Ga, 4,1-26). Ngài sẵn sàng chữa lành con gái người đàn bà xứ Ca-na-an vùng Tia (Mt 15,21-28; Mc 7,24-30), cũng như sẵn sàng chữa lành cho người đầy tớ của một viên đại đội trưởng dân ngoại (Mt 8,5-13). Đặc biệt, một bài học có lẽ lớn và khó nhất mà Chúa Giê-su dạy các môn đệ là: "Hãy yêu thương kẻ thù", hãy nên hoàn thiện như Cha là Đấng "cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính" (Mt 5,43-48). Để rồi, trong cuộc khổ nạn, Ngài đã chữa lành cho tên lính bị chém đứt tai (Lc 22,51). Khi hấp hối trên thập giá, Chúa đã cầu nguyện xin ơn tha thứ cho những kẻ tàn sát mình vì họ "không biết" (Lc 23,34). Khi phục sinh, Chúa đã ban lệnh truyền cho các môn đệ phải đi tới tận cùng trái đất để loan báo Tin Mừng cho mọi dân tộc (Cv 1,8) và cả dân ngoại cũng được ơn cứu độ (Cv 11,18)…[34] Như thế, rõ ràng nơi Chúa Giê-su, tính vô biên của lòng thương xót cũng như ơn cứu độ phổ quát trong Giô-na được tỏ lộ tràn đầy.

Với Giáo hội và con người ngày nay, thông điệp này vẫn luôn là lời mời gọi thúc bách và thách đố lớn. Thực trạng Giáo hội nói chung và Giáo hội Việt Nam ngày nay cho thấy: Người Ki-tô hữu dễ rơi vào sự khép kín trong vùng an toàn của xứ đạo, hội đoàn của mình, chỉ chăm lo cho các nhu cầu riêng tư của mình, mà ít để ý dấn thân cho các công cuộc truyền giáo, giao lưu đối

[33] X. Limburg, *Jonah,* 34-35.

[34] X. Nguyễn Văn Hội, *Giô-Na Vị Ngôn Sứ Khác Người,* 139-147.

thoại cởi mở với những người chưa có đạo hay tôn giáo bạn để chia sẻ Tin Mừng cứu độ và lòng thương xót Chúa. Trong bối cảnh này, Đức Thánh Cha Phanxicô đã có những những lời kêu gọi thật tha thiết. Ngài kêu gọi một Giáo hội phải biết "ra khỏi mình", dám tới những "biên cương mới" để tìm kiếm gặp gỡ con người, đặc biệt những người nghèo khổ, "những con chiên lạc", như Chúa Giê-su đã ra khỏi mình vì chúng ta.[35] Quả thực, mỗi người Ki-tô hữu đều được mời gọi để lãnh nhận đặc ân ngôn sứ là trở nên khí cụ của Chúa, loan báo sứ điệp lòng Chúa xót thương, ơn cứu độ cho mọi người. Thách đố là chuyển từ việc lấy mình làm trung tâm sang lấy Chúa làm trung tâm, từ bỏ những thành kiến, tư tưởng hạn hẹp...[36] Mặt khác, việc vượt qua những nỗi đau, sự tổn thương mất mát do tội ác chiến tranh chính trị, do bất hoà hận thù, ngăn cách tôn giáo, để tha thứ, yêu thương và giãi bày lòng thương xót của Chúa quả là một thách đố rất thực và khó vượt qua. Có lẽ những người đã phải trải qua những biến cố chính trị đau thương mất mát ở Việt Nam có thể dễ dàng cảm nhận thách đố này. Để làm được điều này thực phải cần một đời sống nguyện ngắm thật sâu hầu có thể kín múc ơn chữa lành và trợ lực từ Chúa, có thể mặc lấy chính tâm tình thao thức và lòng thương xót thánh thiêng của Ngài.

2. Tính Nhưng Không Nơi Lòng Thương Xót Của Thiên Chúa

Cùng với tính không biên giới, tính nhưng không cũng là một điểm độc sáng và cách mạng của bản văn Giô-na khi nói về lòng thương xót của Thiên Chúa. Như đã phân tích ở trên, những phản ứng của Giô-na còn cho thấy tư tưởng truyền thống không những giới hạn, mà còn như đã đóng khung lòng thương xót của Thiên Chúa theo kiểu "lòng thương xót có điều kiện". Chẳng bởi thế mà Giô-na cảm thấy mình được ban cho bóng mát của cây thầu dầu là đương nhiên và việc mất đi bóng mát ấy, việc gió nóng và mặt trời tấn công ông là điều đáng nổi giận đến chết. Trong khi đó trái ngược lại việc Ni-ni-vê bị huỷ diệt là thích đáng, việc cho Ni-ni-vê tội lỗi hưởng sự khoan dung là đáng nổi giận đến chết. Hơn nữa, ngay cả trong giả định Ni-ni-vê được tha thứ thì chỉ là do sự ăn năn hoán cải (phát biểu của ông ở câu 2). Phản ứng của Giô-na như là đại diện phản ánh quan niệm truyền thống của Ít-ra-en. Ấy là quan niệm bị ảnh hưởng sâu sắc bởi cái khung thần học "tội phạt, hối cứu": Thiên Chúa chỉ thương xót những người được coi là công chính thánh thiện, Thiên Chúa chỉ thương xót khi con người biết hoán cải ăn năn. Giữa truyền thống ấy, thông điệp của Chúa ở đây vang lên như một sự đột phá: Thiên Chúa thương xót yêu thương con người một cách hoàn toàn nhưng không. Thiên Chúa đã ban cho Giô-na bóng mát cây thầu dầu mà ông hoàn toàn không bỏ chút công sức nào cho nó. Thiên Chúa cũng thương xót tha thứ cho Ni-ni-vê hoàn toàn vì lòng trắc ẩn với thụ tạo "không phân biệt tay phải tay trái" của Ngài, chứ không phải vì sự ăn năn hối cải của thành. Cả Giô-na, dân Ít-ra-en và Ni-ni-vê đều nhận được lòng thương xót yêu thương dịu dàng của Thiên Chúa một cách hoàn toàn nhưng không, không do công trạng hay sự xứng đáng của họ. Sự ăn năn hoán cải có là điều kiện để con người lãnh nhận ơn cứu độ của Thiên Chúa thì phải theo nghĩa đó là sự mở ra của con người để cộng tác lãnh nhận ân sủng. Thực tế, Thiên Chúa luôn luôn đi bước trước, đã ban ân sủng và ơn tha thứ trước khi con người hoán cải rồi. Thậm chí ngay cả nỗ lực hoán cải cộng tác ấy cũng là nằm trong ân sủng Chúa. Ân sủng ấy hoàn toàn vượt xa sự xứng đáng của con người.

[35] X. Đức Phanxicô, *Giáo Hội Giàu Lòng Thương Xót*, người dịch Augustine Nguyễn Minh Triệu, S.J. (HN: Tôn Giáo, 2015), 96. 11-112.

[36] Butler, *Holman Old Testament Commentary - Hosea, Joel, Amos, Obadiah, Jonah, Micah*, 370-372.

Và tới Tân Ước, chính Chúa Giê-su là mạc khải tròn đầy sáng rõ về dung mạo của lòng thương xót vô điều kiện này. Thực vậy, trong Tin Mừng, Chúa Giê-su từng kể câu chuyện dụ ngôn tên mắc nợ không biết thương xót (Mt 18,21-35), về người con hoang đàng (Lc 15,11-32), về hai người lên đền thờ cầu nguyện (Lc 18,9-14), Ngài cũng nhắc lại câu chuyện Giô-na với thành Ni-ni-vê để cảnh báo người Pharisêu và Kinh sư (Mt 12,38-41; Lc 11,29-32)… Qua đó, Tin Mừng cho thấy không ít lần Chúa Giê-su đã tỏ cho các kinh sư và Pha-ri-sêu cũng như mọi người biết: chính họ là những người được hưởng ơn huệ lòng thương xót nhưng không của Thiên Chúa, không phải do công trạng hay sự xứng đáng của họ, nhưng nếu họ tự cho bản thân có công trạng xứng đáng hay coi khinh kẻ khác thì chính họ sẽ trở nên bất hạnh, chính họ là người cần phải hoán cải. Bằng sự yêu thương, tha thứ và chữa lành cho các tội nhân, Chúa Giê-su mạc khải lòng thương xót và tình yêu, nhưng không, như lời công bố thâm tín của Thánh Phao-lô: "Đức Ki-tô đã chết vì chúng ta, ngay khi chúng ta còn là những tội nhân" (Rm 5,8).

Với Giáo hội và con người ngày nay, thông điệp này cũng vẫn luôn là lời nhắc nhớ cần phải ý thức, nghiền ngẫm và thẩm thấu. Trong đời sống, người Kitô hữu có thể rơi vào thái cực. Một là quá ỷ lại vào ơn Chúa, lạm dụng lòng thương xót của Chúa, dẫn đến buông thả thiếu cố gắng trong đời sống đức tin. Nhưng một thái cực khác, ngược lại, là việc quá dựa vào sự phấn đấu, công trạng theo kiểu "đạo công nghiệp" của bản thân. Theo thái cực này, người Kitô hữu sẽ mất ý thức về ân sủng, dẫn đến sự tự mãn về bản thân và coi khinh người khác. Đời sống đạo và đức tin trưởng thành đòi hỏi người Kitô một mặt cố gắng cộng tác với ân sủng, nhưng mặt khác phải luôn ý thức lòng thương xót và ơn cứu độ của Chúa, luôn là ân sủng nhưng không phải của Thiên Chúa.

3. Vị Trí Vai Trò Của Thiên Nhiên Trong Kế Hoạch Cứu Độ Của Chúa

Một thông điệp mang tính cách mạng nữa, trong đó tác phẩm Giô-na có thể được nhìn nhận là thông điệp về môi sinh. Có lẽ chưa có nơi nào trong bản văn của Kinh Thánh mà những hình ảnh thiên nhiên lại hiện lên một cách sống động và ý nghĩa như ở bản văn đã phân tích. Ở đây, các yếu tố thiên nhiên từ cây thầu dầu, con sâu, cơn gió, mặt trời (trước đó là sóng, mưa bão, cá) được mô tả hoàn toàn vâng theo mệnh lệnh của Thiên Chúa để gửi tới cho Giô-na những bài học trải nghiệm, nhận biết về lòng thương xót của Chúa và kế hoạch cứu độ của Ngài (cc. 6-8). Tất cả các thú vật của thành Ni-ni-vê được xác định cũng là đối tượng của lòng thương xót cứu độ của Chúa (c. 11). Như thế, thiên nhiên cũng là công trình sáng tạo của Chúa, có giá trị và tương quan thật thân thiết với con người và Thiên Chúa.[37]

Những tình tiết trên như gợi nhớ tới Tin Mừng, với việc Chúa Giê-su mời gọi các môn đệ nhận biết mối tương quan phụ tử của Thiên Chúa với hết mọi loài thụ tạo. Người nhắc đến chúng với lòng trìu mến vì mỗi loài đều quan trọng trong mắt của Thiên Chúa: "Hãy xem chim trời: chúng không gieo, không gặt, không thu tích vào kho; thế mà Cha anh em trên trời vẫn nuôi chúng… Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng… chúng không làm lụng, không kéo sợi; thế mà, ngay cả vua Sa-lô-môn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. (Mt 6,26.28-29). "Năm con chim sẻ chỉ bán được hai hào phải không? Thế mà không một con nào bị bỏ quên trước mặt Thiên Chúa" (Lc 12,6; Mt 10,29).

Có lẽ hơn bao giờ hết, ngày hôm nay, khi mà môi trường thiên nhiên đang bị con người tàn phá khủng khiếp, thì thông điệp về thiên nhiên như trên thật quý báu, nóng hổi. Với thông điệp

[37] X. Limburg, *Jonah, 34.*

Laudato Si'- "Chăm sóc ngôi nhà chung" (LS) - Đức Phanxicô đã cho thấy: "Tình yêu của Thiên Chúa là sức mạnh chuyển động nền tảng trong tất cả mọi vật được tạo thành… mọi loài thụ tạo là đối tượng của sự dịu dàng của Chúa Cha" (LS 77)… "Cảm nhận được mỗi thụ tạo đang hát bài ca hiện hữu là đang sống cách vui tươi trong tình yêu và hy vọng của Thiên Chúa… Chiêm ngắm công trình sáng tạo giúp chúng ta khám phá trong mỗi sự vật một giáo huấn mà Thiên Chúa muốn trao cho chúng ta" (LS 85).[38] Từ những tư tưởng thần học nền tảng đó, ngài kêu gọi mọi người ý thức bảo vệ, gìn giữ môi trường thiên nhiên. Có lẽ, những con người thành tâm thiện chí đều cảm thấy thông điệp thật ý nghĩa, có giá trị cho một vấn đề toàn cầu cấp bách. Theo đó, các Kitô hữu được mời gọi phải có ý thức dấn thân hơn nữa cho vấn đề này, với nền tảng thần học chắc chắn của mình.

Kết luận

Với cấu trúc đối ngẫu chặt chẽ, lối văn chương đặc sắc, độc đáo, nghệ thuật tu từ tinh tế, sử dụng lối chơi chữ, lặp từ, cường điệu…, tác giả câu chuyện Giô-na, ở chương 4, đã mang tới cho người đọc những tình tiết giật gân, hài hước đầy thú vị, lôi cuốn. Để rồi đằng sau đó, những thông điệp về tính không biên giới, tính không của lòng thương xót Chúa, và giá trị của thiên nhiên trong kế hoạch cứu độ của Chúa, là những thông điệp mang tính cách mạng, đã được đúc kết, chuyển tải tới người đọc một cách sâu sắc. Thực như tác giả Nguyễn Công Đoan nhận xét: "Có thể đọc cuốn sách này như một vở hài kịch châm biếm sâu sắc, gây cười bằng những nét mà người bình dân cũng như người thông thái đều có thể thưởng thức. Càng nghĩ càng cười, càng cười càng thấm thía những mũi kim "châm cứu", có vẻ ngoài da nhưng lại thấu tận xương tủy, đốt cháy tâm can".[39] Là một bản văn ngôn sứ, thông điệp ở đây thực sự giúp tô đậm hình ảnh các ngôn sứ như "các ca viên tuyệt vời hát về niềm hy vọng Ki-tô Giáo"[40] Là một bản văn độc đáo rộng mở rất nhiều chủ đề dưới nhiều góc cạnh nghiên cứu chú giải, những thông điệp trên, cùng rất nhiều những chủ đề khác như tính bất biến và thay đổi của Thiên Chúa, công lý và lòng xót thương nơi Thiên Chúa, chân dung ngôn sứ nơi Giô-na, đường lối sư phạm của Thiên Chúa… cần được tiếp tục khám phá và đào sâu nghiên cứu.

References

Baldwin, J. (2009). Jonah. In T. E. McComiskey (Ed.), *The minor prophets: An exegetical and expository commentary,* Baker Academic.

Bartlett, D. L. (2010). In B. R. Gaventa & D. L. Petersen (Eds.), *The new interpreter's Bible one-volume commentary* (p. 1114). Abingdon Press.

Bible Hub. (n.d.). *Jonah*. Retrieved from https://biblehub.com/interlinear/jonah/

Brown, R. E. (Ed.). (1990). *The new Jerome biblical commentary*. Prentice Hall.

Bruckner, J. (2004). *Jonah, Nahum, Habakkuk, Zephaniah* (The NIV application commentary). Zondervan Academic.

[38] X. Francis, "Laudato Si' (24 May 2015), accessed September 11, 2024, https://www.vatican.va/content/francesco/en/encyclicals/documents/papa-francesco_20150524_enciclica-laudato-si.html.

[39] X. Nguyễn Công Đoan, "Đọc Sách Giô-na Nhân Dịp Năm Thánh Lòng Chúa Thương Xót", accessed September 13, 2024, https://hdgmvietnam.com//chi-tiet/suy-niem-nam-thanh-long-thuong-xot-%E2%80%93-bai-3-doc-sach-gio-na-nhan-dip-nam-thanh-long-thuong-xot-18677.

[40] X. Raynier, Để Đọc Các Sách Ngôn Sứ, 5.

Butler, T. C. (2005). *Holman Old Testament commentary: Hosea, Joel, Amos, Obadiah, Jonah, Micah* (M. Anders, Ed.). Holman Reference.

CGKPV. (1997). *Kinh Thánh*.

Chiastic structure. (2022, April 24). In Wikipedia. Retrieved from https://en.wikipedia.org/w/index.php?title=Chiastic_structure&oldid=1084446973

Christensen, D. L. (1985). Andrzej Panufnik and the structure of the Book of Jonah: Icons, music and literary art. *Journal of the Evangelical Theological Society, 28*(2), 133–140.

Francis. (2015a). *Giáo hội giàu lòng thương xót* (A. Nguyễn Minh Triệu, Trans.). Tôn Giáo.

Francis. (2015b, May 24). *Laudato si'* [Encyclical letter]. The Vatican. Retrieved from https://www.vatican.va/content/francesco/en/encyclicals/documents/papa-francesco_20150524_enciclica-laudato-si.html

Limburg, J. (1993). *Jonah* (1st ed.). Westminster John Knox Press.

Magonet, J. (1983). *Form and meaning: Studies in literary techniques in the Book of Jonah*.

Nguyễn, C. Đ. (2016) *Đọc sách Giô-na nhân dịp Năm Thánh Lòng Chúa Thương Xót*. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam. https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/suy-niem-nam-thanh-long-thuong-xot-%E2%80%93-bai-3-doc-sach-gio-na-nhan-dip-nam-thanh-long-thuong-xot-18677

Nguyễn, V. H. (2021). *Giô-na vị ngôn sứ khác người*. Bayard Press.

Raynier, X. (2017.). *Để đọc các sách ngôn sứ*. Phương Đông Press.

Stuart, D. (2014). *Hosea–Jonah* (Word biblical commentary, Vol. 31; B. M. Metzger, D. A. Hubbard, & G. W. Barker, Eds.). Zondervan Academic.

Trible, P. (1996). The book of Jonah. In L. E. Keck (Ed.), *The new interpreter's Bible: Vol. 7. Introduction to apocalyptic literature, Daniel, the twelve prophets*, Abingdon Press.

Về Tác giả

Đỗ Mạnh Hùng hiện là tu sĩ Dòng Tên Việt Nam. Thầy hiện là sinh viên của Học Viên Thánh Giuse Dòng Tên Việt Nam.

Do Manh Hung is a Vietnamese Jesuit. Currently, Do Manh Hung is a student at the Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.

Vài nét về Hội Dòng

Dòng Tên (Dòng Chúa Giêsu) được thành lập vào năm 1540 bởi Thánh Inhã Loyola và các bạn đồng hành. Sứ mạng của Dòng Tên là sứ mạng hòa giải, nỗ lực để con người có thể giao hòa với Thiên Chúa, với chính mình, với nhau và với công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Dòng Tên được chính thức thành lập vào năm 1540 bởi Thánh Inhã Loyola với sự phê chuẩn của Đức Giáo hoàng Phaolô III. Thánh Inhã đã quy tụ quanh mình một nhóm những người đàn ông nhiệt huyết và có học vấn cao, những người không khao khát điều gì hơn là giúp đỡ người khác tìm thấy Thiên Chúa trong cuộc đời họ. Kế hoạch ban đầu của Thánh Inhã là các tu sĩ Dòng Tên sẽ trở thành những nhà truyền giáo lưu động, thực hiện việc giảng thuyết và cử hành các bí tích ở bất cứ nơi nào có hy vọng mang lại thiện ích lớn lao hơn. Kể từ khi thành lập, từ 10 thành viên ban đầu, Dòng đã phát triển lên đến hơn 15.000 tu sĩ trên toàn thế giới.

Brief introduction of the Jesuits

The Society of Jesus was founded in 1540 by Saint Ignatius Loyola and his companions. The Jesuit mission is a mission of reconciliation, working so that women and men can be reconciled with God, with themselves, with each other, and with God's creation. The Society of Jesus was founded in 1540 by St. Ignatius Loyola with the approval of Pope Paul III. Ignatius Loyola had gathered around him an energetic band of well-educated men who desired nothing more than to help others find God in their lives. It was Ignatius' original plan that the Jesuits be traveling missionaries who would preach and administer the sacraments wherever there was the hope of accomplishing the greater good. Since its foundation, the Order has grown from the original ten to more than 15,000 Jesuits worldwide.